

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày 05-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhân

Ông Vũ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn A, sinh ngày 31/10/1977, tại Phú Thọ; nơi cư trú: Khu B, xã Thục L, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn R và bà Nguyễn Thị K; vợ Hà Thị M; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2014/HSST ngày 28/8/2014 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xử phạt Hà Văn A 33 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2014. Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Năm 2014 bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm, ngày 30/8/2016 Hà Văn A chấp hành xong hình phạt tù (đã xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2022; có mặt.

2. Phạm Trung T, sinh ngày 15/6/1991, tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ là Phạm Thị N có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/11/2021; có mặt.

- Bị hại: Công ty Cổ phần Minh Anh Green V (gọi tắt là Công ty Green V); địa chỉ trụ sở: Số 65 Nguyễn Ngọc V, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Anh Dương Công M, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 5, T, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12/9/2021); vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Trần Văn T, anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 12/9/2021, Hà Văn A là công nhân của Công ty Green V; địa chỉ trụ sở: Số 65 Nguyễn Ngọc V, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đến công trường do Công ty Green Việt Nam đang thi công gói thầu điện trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn Providence Enterprise (Việt Nam) ở khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để làm việc. Khi đến công trường, Hà Văn A thấy vắng người nên đã nảy sinh ý định rủ Phạm Trung T cùng trộm cắp dây cáp điện. Thực hiện ý định, Hà Văn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 30Y2-5638 từ công trường đi về nhà trọ của Phạm Trung T ở thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Khi đi qua quán cơm của anh Trần Văn T, sinh năm 1980 ở thôn H xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Hà Văn A hỏi mượn anh T 01 chiếc máy mài nhãn hiệu Maktec, anh T đồng ý. Khi mượn, Hà Văn A không nói cho anh T biết mục đích sử dụng chiếc máy mài để cắt dây cáp. Sau đó, Hà Văn A điều khiển xe mô tô mang theo chiếc máy mài về nhà trọ của Phạm Trung T. Khi đến nơi, Hà Văn A rủ Phạm Trung T vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn Providence Enterprise (Việt Nam) cắt dây cáp điện bán lấy tiền ăn tiêu, Phạm Trung T đồng ý. Hà Văn A và Phạm Trung T cùng thống nhất mang theo chiếc máy mài vào công trường, cắt dây cáp điện mang ra ngoài bán. Hà Văn A điều khiển xe mô tô biển số 30Y2-5638 mang theo chiếc máy mài; Phạm Trung T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 34P5-5261 đến công trường Công ty Trách nhiệm hữu hạn Providence Enterprise (Việt Nam). Khi đến nơi, Hà Văn A cầm theo chiếc máy mài và cùng Phạm Trung T đi vào tầng 1 khu A, nơi để cuộn dây điện của Công ty Green Việt Nam. Hà Văn A đặt chiếc máy mài lên cuộn dây cáp điện nhãn hiệu Cadisun, mã loại CXV 3x300+1x150, bảo Phạm Trung T cắt được bao nhiêu thì cắt, cắt xong mang ra khu vực cửa gần cầu thang bộ của kho để cắt thành các đoạn nhỏ để đem ra ngoài. Sau đó, Hà Văn A đi lên tầng 3 của công trường làm việc. Phạm Trung T thấy xung quanh không có người nên lấy chiếc máy mài để trên cuộn dây điện, cắm vào ổ điện gần đó, dùng chiếc máy mài cắt một đoạn dây cáp điện dài 3,3m. Sau khi cắt xong, Phạm Trung T giấu chiếc máy mài vào góc tường và đi ra vị trí xe mô tô biển số 34P5-5261 ngồi nghỉ. Lúc này, anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (trú tại thôn H, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng) là công nhân Công ty Green Việt Nam thấy Phạm Trung T là người lạ, nghi ngờ trộm cắp tài sản nên tra hỏi, thông báo

cho anh Dương Công M, sinh năm 1991 (trú tại thôn 5, xã T, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội) là quản lý công trường của Công ty Green Việt Nam. Thấy thế, Hà Văn A đi xuống can ngăn, lấy xe mô tô biển số 30Y2-5638 chở Phạm Trung T ra ngoài công trường. Anh Dương Công M đi kiểm tra, phát hiện đoạn dây cáp điện dài 3,3m bị cắt nên đã trình báo cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã thu giữ: 01 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu CADISUN, số loại: CXV 3x300+1x150, vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 3,3m, đường kính 6,2cm, trọng lượng 36kg; 01 máy mài nhãn hiệu Maktec, có gắn đá cắt hình tròn, đường kính 10cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 34P5 - 5261; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 30Y2 - 5638.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện An Dương kết luận: 01 (một) đoạn dây cáp điện nhãn hiệu CADISUN, số loại: CXV 3x300+1x150, vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 3,3m, đường kính 6,2cm, trọng lượng 36kg. Giá trị định giá: 7.500.520 đồng.

Bản Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 17/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Hà Văn A, Phạm Trung T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hà Văn A, Phạm Trung T khai nhận như nội dung bản Cáo trạng truy tố đã nêu. Các bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với các bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo đồng phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn A từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ 11/01/2022. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hà Văn A.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Trung T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Trung T.

Giao bị cáo Phạm Trung T cho UBND xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cùng với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận Ngày 12/9/2021, Hà Văn A và Phạm Trung T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) đoạn dây cáp điện nhãn hiệu CADISUN, số loại: CXV 3x300+1x150, vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 3,3m, đường kính 6,2cm, trọng lượng 36kg của Công ty Green Việt Nam tại công trường Công ty Trách nhiệm hữu hạn Providence Enterprise (Việt Nam) ở khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; theo kết luận định giá tài sản trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty Green V là 7.500.520 đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Hà Văn A và Phạm Trung T về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nên hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Hà Văn A, tài liệu hồ sơ xác định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2014/HSST ngày 28/8/2014 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xử phạt Hà Văn A 33 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2014. Bị cáo đã nộp xong áp phí hình sự sơ thẩm năm 2014, ngày 30/8/2016 Hà Văn A chấp hành xong hình phạt tù. Tính

đến ngày phạm tội bị cáo đã được xóa án tích. Như vậy, bị cáo là người có nhân thân xấu, căn cứ vào Điều 38 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Hà Văn A phải cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn A, Phạm Trung T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân bị cáo Phạm Trung T chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có tổ chức. Hội đồng xét xử phân hóa vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Hà Văn A là người đề xuất, rủ rê bị cáo Phạm Trung T vào Công ty Green Việt Nam chiếm đoạt tài sản và cũng là người chuẩn bị công cụ, chỉ chỗ cho bị cáo Phạm Trung T cắt dây cáp điện của bị hại, bị cáo Tình là người thực hành tích cực. Do vậy, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Hà Văn A có vai trò lớn hơn bị cáo Tình nên phải chịu hình phạt cao hơn.

[7] Căn cứ vào vai trò của bị cáo Phạm Trung T, căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Trung T có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bị kết án.. nên không cần thiết buộc bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xét tính chất, mức độ tội phạm của các bị cáo, bản thân các bị cáo thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra có thu giữ 01 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu CADISUN, số loại: CXV 3x300+1x150, vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 3,3m, đường kính 6,2cm, trọng lượng 36kg là tài sản của Công ty Green V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã trả lại cho Công ty Green V quản lý, sử dụng.

[10] Chiếc máy mài nhãn hiệu Maktec, có gắn đá cắt hình tròn, đường kính 10cm là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã trả lại cho anh T quản lý, sử dụng.

[11] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 34P5-5261 là tài sản của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, trú tại xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Ông H đã bán cho Phạm Trung T chiếc xe trên nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã trả lại cho Phạm Trung T quản lý, sử dụng.

[12] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 30Y2-5638 là tài sản của anh Lê Thanh L, sinh năm 1987 (trú tại 104B N, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội) bị mất tại thôn S, xã T, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội năm 2009. Quá trình điều tra xác định: Năm 2009 ông Trịnh Văn P, sinh năm 1969 (trú tại số 91 Ng, thị trấn A, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng) có lắp đặt điều hòa cho anh Phạm Bá L (tên gọi khác là D), sinh năm 1980 (trú tại thôn 4, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng), do anh L không có tiền trả nên đã đưa chiếc xe mô tô trên cho ông P quản lý, sử dụng. Năm 2010, ông Phụng bán chiếc xe trên cho anh Đặng Văn S, sinh năm 1975 (trú tại Ph, Trường T, An Lão, Hải Phòng). Năm 2020, anh Sáu bán chiếc xe cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (trú tại thị trấn An L, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng). Năm 2021, anh T cho Hà Văn A mượn làm phương tiện đi lại. Tiến hành xác minh anh Lan vắng mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã có văn bản đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Oai, Hà Nội tiếp nhận chiếc xe mô tô để giải quyết theo thẩm quyền.

- Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

[13] Công ty Green V, anh Trần Văn Tuấn đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì thêm.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Hà Văn A 18 (Mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bắt tạm giam 11/01/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Phạm Trung T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án về tội Trộm cắp tài sản.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Hà Văn A, Phạm Trung T.

Giao bị cáo Phạm Trung T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Trung T.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc các bị cáo Hà Văn A, Phạm Trung T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV06 CATP; Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương